

ĐỀ CƯƠNG

LUẬT
BẢN QUYỀN TÁC GIẢ
(Việt Nam)

LUẬT BẢN QUYỀN TÁC GIẢ

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10; Luật này quy định về bản quyền tác giả.

Phần thứ nhất NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về bản quyền tác giả bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại Luật này và điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 3. Đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan

1. Đối tượng quyền tác giả bao gồm tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học;
2. Đối tượng quyền liên quan bao gồm cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hoá.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Điều 5. Áp dụng pháp luật

1. Trong trường hợp có những vấn đề dân sự liên quan đến quyền tác giả, quyền liên quan không được quy định trong Luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự.
2. Trong trường hợp có sự khác nhau giữa quy định về quyền tác giả, quyền liên quan của Luật này với quy định của luật khác thì áp dụng quy định của Luật này.
3. Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 6. Căn cứ phát sinh quyền tác giả, quyền liên quan

1. Quyền tác giả phát sinh kể từ khi tác phẩm được sáng tạo và được thể hiện dưới một hình thức vật chất nhất định, không phân biệt nội dung, chất lượng, hình thức, phương tiện, ngôn ngữ, đã công bố hay chưa công bố, đã đăng ký hay chưa đăng ký.

2. Quyền liên quan phát sinh kể từ khi cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hoá được định hình hoặc thực hiện mà không gây phương hại đến quyền tác giả.

Điều 7. Giới hạn quyền tác giả, quyền liên quan

Điều 8. Chính sách của Nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan

Điều 9. Quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan

Điều 10. Nội dung quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan

Điều 11. Trách nhiệm quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan

Điều 12. Phí, lệ phí về quyền tác giả, quyền liên quan

Phần thứ hai

QUYỀN TÁC GIẢ VÀ QUYỀN LIÊN QUAN

Chương I

ĐIỀU KIỆN BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ VÀ QUYỀN LIÊN QUAN

Mục 1

ĐIỀU KIỆN BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ

Điều 13. Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả có tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả

Điều 14. Các loại hình tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả

Điều 15. Các đối tượng không thuộc phạm vi bảo hộ quyền tác giả

Mục 2

ĐIỀU KIỆN BẢO HỘ QUYỀN LIÊN QUAN

Điều 16. Tổ chức, cá nhân được bảo hộ quyền liên quan

Điều 17. Các đối tượng quyền liên quan được bảo hộ

Chương II

NỘI DUNG, GIỚI HẠN QUYỀN, THỜI HẠN BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN

Mục 1

NỘI DUNG, GIỚI HẠN QUYỀN, THỜI HẠN BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ

Điều 18. Quyền tác giả

Điều 19. Quyền nhân thân

Điều 20. Quyền tài sản

Điều 21. Quyền tác giả đối với tác phẩm điện ảnh, tác phẩm sân khấu

Điều 22. Quyền tác giả đối với chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu

Điều 23. Quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian

Điều 24. Quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học

Điều 25. Các trường hợp sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao

Điều 26. Các trường hợp sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép nhưng phải trả tiền nhuận bút, thù lao

Điều 27. Thời hạn bảo hộ quyền tác giả

Điều 28. Hành vi xâm phạm quyền tác giả

Mục 2

NỘI DUNG, GIỚI HẠN QUYỀN, THỜI HẠN BẢO HỘ QUYỀN LIÊN QUAN

Điều 29. Quyền của người biểu diễn

Điều 30. Quyền của nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình

Điều 31. Quyền của tổ chức phát sóng

Điều 32. Các trường hợp sử dụng quyền liên quan không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao

Điều 33. Các trường hợp sử dụng quyền liên quan không phải xin phép nhưng phải trả tiền nhuận bút, thù lao

Điều 34. Thời hạn bảo hộ quyền liên quan

Điều 35. Hành vi xâm phạm các quyền liên quan

Chương III

CHỦ SỞ HỮU QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN

Điều 36. Chủ sở hữu quyền tác giả

Điều 37. Chủ sở hữu quyền tác giả là tác giả

Điều 38. Chủ sở hữu quyền tác giả là các đồng tác giả

Điều 39. Chủ sở hữu quyền tác giả là tổ chức, cá nhân giao nhiệm vụ cho tác giả hoặc giao kết hợp đồng với tác giả

Điều 40. Chủ sở hữu quyền tác giả là người thừa kế

Điều 41. Chủ sở hữu quyền tác giả là người được chuyển giao quyền

Điều 42. Chủ sở hữu quyền tác giả là Nhà nước

Điều 43. Tác phẩm thuộc về công chúng

Điều 44. Chủ sở hữu quyền liên quan

Chương IV

CHUYỂN GIAO QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN

Mục 1

CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN

Điều 45. Quy định chung về chuyển nhượng quyền tác giả, quyền liên quan

Điều 46. Hợp đồng chuyển nhượng quyền tác giả, quyền liên quan

Mục 2

CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN

Điều 47. Quy định chung về chuyển quyền sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan

Điều 48. Hợp đồng sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan

Chương V
CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN

Điều 49. Đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan

Điều 50. Đơn đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan

Điều 51. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan

Điều 52. Thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan

Điều 53. Hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan

Điều 54. Đăng bạ và công bố đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan

Điều 55. Cấp lại, đổi, huỷ bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan

Chương VI
TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN, TƯ VẤN,
DỊCH VỤ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN

Điều 56. Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan

Điều 57. Tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan

Phần thứ ba
BẢO VỆ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN
Chương XVI
QUY ĐỊNH CHUNG VỀ BẢO VỆ
QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN

Điều 58. Biện pháp xử lý hành vi xâm phạm bản quyền tác giả

Điều 59. Thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan

Điều 60. Giám định về quyền tác giả, quyền liên quan

Chương XVII
XỬ LÝ XÂM PHẠM QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN
BẰNG BIỆN PHÁP DÂN SỰ

Điều 61. Các biện pháp dân sự

Điều 62. Quyền và nghĩa vụ chứng minh của đương sự

Điều 63. Nguyên tắc xác định thiệt hại do xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan

Điều 64. Căn cứ xác định mức bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan

Điều 65. Quyền yêu cầu Toà án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời

Điều 66. Các biện pháp khẩn cấp tạm thời

Điều 67. Nghĩa vụ của người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời

Điều 68. Huỷ bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời

Điều 69. Thảm quyền, thủ tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời

Chương XVIII

XỬ LÝ XÂM PHẠM QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN BẰNG BIỆN PHÁP HÀNH CHÍNH VÀ HÌNH SỰ, KIỂM SOÁT HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN

Mục 1

XỬ LÝ XÂM PHẠM QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN BẰNG BIỆN PHÁP HÀNH CHÍNH VÀ HÌNH SỰ

Điều 70. Hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan bị xử phạt hành chính

Điều 71. Hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan bị xử lý hình sự

Điều 72. Hàng hoá giả mạo về quyền tác giả, quyền liên quan

Điều 73. Các hình thức xử phạt hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả

Điều 74. Các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt hành chính

Mục 2

KIỂM SOÁT HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN

Điều 75. Biện pháp kiểm soát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến quyền tác giả, quyền liên quan

Điều 76. Nghĩa vụ của người yêu cầu áp dụng biện pháp kiểm soát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến quyền tác giả, quyền liên quan

Điều 77. Thủ tục áp dụng biện pháp tạm dừng làm thủ tục hải quan

Điều 78. Kiểm tra, giám sát để phát hiện hàng hoá có dấu hiệu xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan

Phần thứ tư

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 79. Điều khoản chuyển tiếp

Điều 80. Hiệu lực thi hành

Điều 81. Hướng dẫn thi hành